

**PHỤ LỤC 3: BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SÓC TRĂNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2013/QĐ-UBND ngày tháng 12 năm 2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Khu vực, vị trí	Ranh giới, vị trí	Giá đất năm 2014
A	HUYỆN MỸ XUYÊN		
I	KV2	Thị trấn Mỹ Xuyên	
1	VT3	Giới hạn bởi: Ranh TP Sóc Trăng, đường Trần Hưng Đạo, Huyện lộ 14 của xã Tham Đôn	50
2	VT4	Kênh Phước Kiện đi Cần Giờ đến giáp ranh xã Tham Đôn, Thạnh Thới An và Tài Văn.	45
II	KV3	Xã Tham Đôn	
1	VT5	Giới hạn bởi: Đường Huyện 14 đến đê bao rạch Sên, giáp xã Đại Tâm, đường 936 (trở về phía sông Dù Tho), TP Sóc Trăng.	35
2	VT6	Khu vực còn lại	30
III	KV3	Xã Đại Tâm	
1	VT5	Giáp Quốc lộ 1 đến kênh 19/5; từ Quốc lộ 1 hướng về xã Tham Đôn 500m tới kênh Phú Thuận	35
2	VT6	Khu vực còn lại	30
IV	KV3	Xã Thạnh Phú	
1	VT3	Giới hạn bởi: Quốc lộ 1 đến kênh 19/5; đê bao Phú Hưng; đường khu 4, lộ đan vào Phú Hoà, Phú Thành và ranh xã Lâm Kiết - Thạnh Trị	45
2	VT4	Khu vực còn lại.	40
V	KV3	Xã Thạnh Quới	
1	VT4	Toàn bộ diện tích đất cây lâu năm của xã.	40
VI	KV3	Xã Gia Hòa 1	
1	VT6	Toàn bộ diện tích đất lâu năm của xã	30
VII	KV3	Xã Gia Hòa 2	

1	VT6	Toàn bộ diện tích đất lâu năm của xã	30
VIII	KV3	Xã Hòa Tú 1	
1	VT5	Giới hạn bởi: Giáp ranh Long Hòa, dọc theo kênh 10 Yên ra sông Đình đến kênh Tư và ranh xã Ngọc Đông, Ngọc Tổ và Hòa Tú 2.	35
2	VT6	Khu vực còn lại.	30
IX	KV3	Xã Hòa Tú 2	
1	VT5	Toàn bộ diện tích đất lâu năm của xã	35
X	KV3	Xã Ngọc Đông	
1	VT5	Toàn bộ diện tích đất lâu năm của xã	35
XI	KV3	Xã Ngọc Tổ	
1	VT5	Khu vực đất lâu năm ở ấp Cỏ Cò	35
2	VT6	Khu vực còn lại.	30
B	HUYỆN MỸ TÚ		
I	KV2	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	
1	VT4	Phía Đông giáp sông Tân Lập. Phía Tây giáp kênh Bộ Thon, kênh 1/5, kênh ông Nam, kênh Bá Hộ. Nam giáp Rạch đường Trâu, ranh xã Mỹ Tú. Bắc giáp kênh Trà Cú Cạn, rạch Ô Rô, rạch Xèo Lá.	45
2	VT5	Các vị trí còn lại.	40
II	KV3	Xã Mỹ Hương	
1	VT4	Phía Đông giáp xã An Ninh, kênh Chùa Ông Gạch, ranh huyện Châu Thành, kênh rạch Ô Quên, kênh Ba Anh. Phía Tây giáp thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, đường tỉnh 939B. Phía Nam giáp xã Thuận Hưng, kênh Ô Quên, kênh Ba Đàng, kênh Mười Đường. Phía Bắc giáp kênh 10 đường, kênh Mảnh Liệt, kênh Út Huấn, kênh Tư Diệm. sông Mỹ Hương.	40
2	VT5	Phía Đông giáp kênh Tám Bầu. Phía Tây giáp xã Thuận Hưng. Phía Nam giáp xã Thuận Hưng. Phía Bắc giáp sông Ô Quên. Phía Đông giáp xã An Ninh. Phía Tây giáp thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa. Phía Bắc giáp kênh 10 Đường, kênh Mảnh Liệt, kênh Út Huấn, kênh Tư Diệm. sông Mỹ Hương. Phía Bắc giáp xã Thiện Mỹ.	35
3	VT6	Các vị trí còn lại.	30
III	KV3	Xã Mỹ Phước	

1	VT4	Phía Đông giáp xã Mỹ Thuận. Phía Tây giáp huyện Ngã Năm, kênh 7 thước. Phía Nam giáp kênh xáng cụt, kênh Sáu sưng, kênh 3 Trí, kênh 5 Rạch, kênh Ông Phán, kênh Bao Lâm trường. Phía Bắc giáp kênh xáng Mỹ Phước.	40
2	VT5	Phía Đông giáp xã Mỹ Thuận. Phía Tây giáp kênh U Rê. Phía Nam giáp kênh xáng Mỹ Phước. Phía Bắc giáp kinh ranh Lâm Trường, kênh ranh, ranh xã Mỹ Thuận.	35
		Phía Đông giáp xã Mỹ Tú. Phía Tây giáp huyện Ngã Năm. Phía Nam giáp kênh Trà cú cạn. Phía Bắc giáp ranh xã Hưng Phú.	
		Phía Đông giáp kênh 5 rạch. Phía Tây giáp kênh 7 Thước. Phía Nam giáp kênh Xóm Tiêm. Phía Bắc giáp kênh 3 Trí, Sáu Sương.	
3	VT6	Các vị trí còn lại.	30
IV	KV3	Xã Mỹ Thuận	
1	VT4	Phía Đông giáp xã Thuận Hưng. Phía Tây giáp đường Tỉnh 940. Phía Nam giáp kênh Tam Sóc, dọc kinh Nhu Gia và huyện Thạnh trị. Phía Bắc giáp kênh Tà Liêm.	40
2	VT5	Các vị trí còn lại.	35
V	KV3	Xã Thuận Hưng	
	KV3	Phía Đông giáp tỉnh lộ 939. Phía Tây giáp xã Mỹ Thuận. Phía Nam giáp kênh Tam Sóc. Phía Bắc giáp kênh Nổi Tà Liêm.	40
1	VT4	Phía Đông giáp ranh xã An Ninh. Phía Tây giáp kênh Tam Bình. Phía Nam giáp kênh nổi Tà Liêm. Phía Bắc giáp kênh Miếu Ông Tà, rạch Tà Ân, kênh Sáu	35
2	VT5	Phía Đông giáp ranh xã Mỹ Hương, rạch Tà Ân. Phía Tây giáp kênh Năm Đông. Phía Nam giáp rạch Tà Ân. Phía Bắc ranh xã Mỹ Hương	35
		Phía Đông giáp xã Phú Mỹ. Phía Tây giáp xã Mỹ Thuận. Phía Nam giáp xã Phú Mỹ, xã Mỹ Thuận. Phía Bắc giáp kênh Tam Sóc	
		Phía Đông giáp rạch Nhu Gia. Phía Tây giáp rạch Cái Chiết. Phía Nam giáp rạch Nhu Gia. Phía Bắc giáp kênh Ô Quên, ranh xã Mỹ Hương	
		Phía Đông giáp kênh năm Đông. Phía Tây giáp kênh Nhà Trường. Phía Bắc giáp sông Nhu Gia. Phía Nam giáp kênh Miếu Ông Tà.	
3	VT6	Các vị trí còn lại.	30
VI	KV3	Xã Long Hưng	
1	VT4	Phía Đông giáp kênh nông trại 1/5 ,kênh Hàng Sắn nổi. Phía Tây giáp kênh kênh Đập Đá giáp, xã Hưng Phú. Phía Nam giáp TT-HHN, kênh Năm Thương, xã Mỹ Hương. Phía Bắc giáp kênh xáng phụng Hiệp-Hậu Giang.	40

2	VT5	Phía Đông giáp kênh Tám Thước, kênh Chệt Siều. Phía Tây kênh Hàng Sắn. Phía Nam giáp xã Mỹ Hương. Phía Bắc giáp kênh Tân Phước, kênh Lý, kênh Xáng 1.	35
3	VT6	Các vị trí còn lại.	30
VII	KV3	Xã Hưng Phú	
1	VT4	Phía Đông giáp ranh xã Long Hưng. Phía Tây giáp rang huyện Thạnh Trị. Phía Nam giáp ranh kênh 1000, kênh Tư Lý, kênh 9 Có, kênh Hai Chi, kênh 1000, kênh ba Cường, kênh Cô Ba. Phía Bắc giáp kênh xáng Phụng Hiệp.	40
		Phía Đông giáp rạch đường Láng. Phía Tây giáp ranh ấp Phương An 3 . Phía Nam giáp ranh xã Mỹ Phước. Phía Bắc giáp kênh Cô Ba	
2	VT5	Các vị trí còn lại.	35
VIII	KV3	Xã Mỹ Tú	
1	VT4	Phía Đông giáp ranh xã Thuận Hưng, xã Mỹ Thuận. Phía Tây giáp rạch Cây Cồng, Kênh Dooc Dong, kênh đường tỉnh 940. Phía Nam giáp xã Mỹ Thuận. Phía Bắc giáp TT-HHN.	40
		Phía Đông giáp ranh TT-HHN. Phía Tây giáp ranh xã Mỹ Phước. Phía Nam giáp Rạch Cây bàng. Phía Bắc giáp kênh nội đồng.	
2	VT5	Các vị trí còn lại.	35
IX	KV3	Xã Phú Mỹ	
1	VT4	Phía Đông giáp xã An Ninh, TP Sóc Trăng. Phía Tây giáp rạch Trà Quýt, lộ Đại Úi, rạch Bó Thảo. Phía Nam giáp huyện Mỹ Xuyên. Phía Bắc giáp xã An Ninh, xã Thuận Hưng, lộ đại Úi, rạch Bó Thảo.	40
2	VT5	Các vị trí còn lại.	35
C	HUYỆN KẾ SÁCH		
I	KV2	Thị Trấn Kế sách	
1	VT3	Phía Đông giáp kênh Phú Tâm, phía Tây giáp kênh Lộ Mới, phía Nam giáp công Lộ mới, phía Bắc giáp kênh Số 1	50
		Phía Đông giáp kênh lộ mới. Phía Tây giáp rạch Bung Tiết. Phía Nam giáp kênh Chín An Định, kênh bà Lò. Phía Bắc giáp kênh Số 1	
2	VT4	Phía Đông giáp Rạch Cà Dâm. Phía Tây giáp Rạch Bung Túc. Phía Nam giáp kinh số 1. Phía Bắc giáp Kinh Cầu Trắng, xã Thới An Hội.	45
		Phía Đông giáp kênh Lộ Mới, Kênh Phú Tâm. Phía Tây giáp kênh Nổi, kênh Tập đoàn 1, kênh Lò Rèn. Phía Nam giáp rạch Na Tung. Phía Bắc giáp kênh Chín An Định	

		Phía Đông giáp kênh Bờ Bao, kênh Lâm Cal, kênh Đội 3, kênh Đường Cung. Phía Tây giáp rạch Bung Tiết, phía Nam giáp rạch Na Tung. Bắc: Giáp kênh bà Lèo.	
1.3	VT5	Phía Đông giáp kênh Trại Cá Giồng, phía Tây giáp kênh Phú Tâm, phía Nam giáp rạch An Nghiệp, phía Bắc giáp kênh số 1	40
		Phía Đông giáp kênh Nổi, phía Tây giáp rạch Bờ Bao, phía Nam giáp rạch Na Tung, phía Bắc giáp kênh Chín An Định	
II	KV3	Xã Kế Thành	
1	VT4	Phía Đông giáp Rạch Bung Túc, phía Tây giáp Rạch Hai Giáp, phía Nam giáp sông Kinh Giữa, phía Bắc giáp kênh 9 Quang, Kinh Rạch Bần	40
		Phía Đông giáp Rạch Ba Lãng, thị trấn Kế Sách. Phía Tây giáp Rạch Cầu Chùa, xã Kế An. Phía Nam giáp Rạch Bờ Đền, phía Bắc giáp sông Kinh Giữa	
2	VT5	Phía Đông giáp Rạch Ba Lãng, Thị Trấn Kế Sách. Phía Tây giáp rạch Cầu Chùa, xã Kế An. Phía Nam giáp xã Phú Tâm, phía Bắc giáp Rạch Bờ Đền.	35
		Phía Đông giáp xã Thới An Hội. phía Tây giáp xã Kế An. phía Nam giáp Kênh 9 Quang. phía Bắc giáp ranh xã Trinh Phú	
III	KV3	Xã Kế An	
1	VT3	Toàn bộ đất cây lâu năm trên địa bàn xã	45
IV	KV3	Xã Trinh Phú	
1	VT2	Phía Đông giáp xã An Lạc Tây. Phía Tây giáp kênh Tư Liễu, rạch ThaLa. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp, xã Thới An Hội. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, xã An Lạc Thôn.	50
2	VT3	Phía Đông giáp kênh Tư Liễu, rạch ThaLa. Phía Tây giáp rạch Ngã Cũ, kênh Thông Cư. Phía Nam giáp xã Kế An. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, xã An Lạc Thôn.	45
3	VT4	Phía Đông giáp rạch Ngã Cũ. Phía Tây giáp rạch Phong Thọ, xã Ba Trinh, phía Nam giáp kênh kênh Đào ấp 12. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, xã Xuân Hoà	40
V	KV3	Xã Xuân Hoà	
1	VT2	Phía Đông giáp rạch Mương Khai, Bờ Dọc. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp Ngã tư trên, rạch Giồng Đá. Phía Bắc giáp xã Phú Hữu (huyện Châu Thành) và xã An Lạc Thôn	50
		Phía Đông giáp rạch Giồng Đá, Rạch Năm Riêng, rạch Mười Trọng, rạch Sao sáo, kênh Năm Lò đường, kênh thủy lợi. Phía Tây giáp kênh Cái Côn. Phía Nam giáp xã Ba Trinh. Phía Bắc giáp rạch Giồng Đá.	
2	VT3	Phía Đông giáp xã An Lạc Thôn, rạch Hào Bá. Phía Tây giáp rạch Mương Khai, Giồng Đá, Rạch Năm Riêng, rạch Mười Trọng. Phía Nam giáp kênh thủy lợi, rạch Cái Cao. Phía Bắc giáp xã An Lạc Thôn.	45
3	VT4	Vị trí còn lại	40

VI	KV3	Xã An Lạc Thôn	
1	VT2	<p>Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp xã Xuân Hòa. Nam: Giáp rạch Muong Khai. Bắc: Giáp Kênh Cái Côn</p> <p>Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp xã Xuân Hòa. Nam: Giáp rạch Cái Cao. Bắc: Giáp rạch Muong Khai</p> <p>Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp kênh Giữa, cầu Ba Trường, rạch Cái Cao. Nam: Giáp rạch Cái Trâm. Bắc: Giáp rạch Cái Cao</p> <p>Đông: Giáp sông Hậu. Tây: Giáp kênh 5 Chấm. Nam: Giáp rạch Phèn Đen. Bắc: Giáp rạch Cái Trâm</p> <p>Đông: Giáp kênh Giữa. Tây: Giáp kênh Muong Lộ. Nam: Giáp rạch Cái Trâm. Bắc: Giáp kênh giữa, cầu Ba Trường</p> <p>Đông: Giáp rạch 5 Chấm. Tây: Giáp kênh Muong Lộ. Nam: Giáp kênh Thủy Lợi (Phèn Đen). Bắc: Giáp rạch Cái Trâm</p>	50
2	VT3	Vị trí còn lại	45
VII	KV3	Xã Phong Nẫm	
1	VT2	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn xã	50
VIII	KV3	Xã An Mỹ	
1	VT4	<p>Phía Đông giáp ranh huyện Long Phú. Phía Tây giáp rạch Phụng An. Phía Bắc giáp xã Song Phụng. Phía Nam giáp rạch Phụng An.</p> <p>Phía Đông giáp rạch Phụng An. Phía Tây giáp kênh Trại giống. Phía Nam giáp rạch An Nghiệp. Phía Bắc giáp kênh Số 1.</p>	40
2	VT5	Phía Đông giáp rạch Phụng An. Phía Tây giáp Kinh Phú Tâm. Phía Nam giáp kênh rạch Cả Bá, huyện Châu Thành, huyện Long Phú. Phía Bắc giáp rạch An Nghiệp, thị trấn Kế Sách.	35
IX	KV3	Xã Đại Hải	
1	VT4	<p>Phía Đông giáp xã Kế An, kênh Bảy Xê, kênh 25, kênh Năm Tời, kênh Hai Năm, kênh Cống 1. Phía Tây giáp kênh ranh Thị xã Ngã Bảy, kênh Sóc Trăng, kênh Tây. Phía Nam giáp xã Hồ Đắc Kiện. Phía Bắc giáp sông Số 1.</p> <p>Phía Đông giáp xã Kế An. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp kênh số 1. Phía Bắc giáp kênh Ba Hoàng, xã Ba Trinh.</p>	40
2	VT5	<p>Phía Đông giáp xã Kế An. Phía Tây giáp xã Ba Trinh. Phía Nam giáp kênh Ba Hoàng. Phía Bắc giáp xã Ba Trinh.</p> <p>Phía Đông giáp kênh Mỏ Neo, xã Kế An. Phía Tây giáp kênh Năm Tời, kênh Hai Năm, kênh Cống 1. Phía Nam Giáp huyện Châu Thành. Phía Bắc giáp kênh số 25, kênh 7 Xê.</p> <p>Phía Đông giáp kênh Tây. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp huyện Châu Thành. Phía Bắc Giáp kênh Sóc Trăng.</p>	35
X	KV3	Xã Ba Trinh	

1	VT3	Phía Đông giáp kênh Hai Thủy, Sáu Cụt, Sáu Phước, Hai Thanh, Hai Niềm, Năm Quảng, Phong Thọ. Phía Tây giáp kênh Cái Côn. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Cái Trâm, đập Hà Văn Tèo, ranh xã Xuân Hòa.	45
		Phía Đông giáp Kênh Thôn Cư, xã Trinh Phú. Phía Tây giáp xã Đại Hải. Phía Nam giáp kênh Thủy Lợi, Kênh hai Nghĩa. Phía Bắc giáp sông Rạch Vọp.	
		Phía Đông giáp rạch Thành Văn Buól. Phía Tây giáp rạch đường Trâu. Phía Bắc giáp kênh ranh ấp 8 - ấp 12. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp.	
2	VT4	Phía Đông giáp kênh Tiểu, xã Xuân Hòa. Phía Tây giáp đập Hà Văn Tèo. Phía Nam giáp kênh Cái Trâm. Phía Bắc giáp ranh xã Xuân Hòa	40
		Phía Đông giáp sông Cái Côn. Phía Tây giáp tỉnh Hậu Giang. Phía Nam giáp xã Đại Hải, tỉnh Hậu Giang. Phía Bắc giáp xã Xuân Hòa.	
		Phía Đông giáp kênh Đường Trâu. Phía Tây giáp kênh Hai Thủy, Sáu Phước, Sáu Cụt. Phía Nam giáp kênh Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Hai Thanh.	
		Phía Đông giáp kênh Phong Thọ, xã Trinh Phú. Phía Tây giáp rạch Đường Trâu, rạch Thành Văn Buól. Phía Nam giáp sông Rạch Vọp. Phía Bắc giáp kênh Hai Niềm, kênh Năm Quảng.	
		Phía Đông giáp Kênh Thông Cư. Phía Tây giáp kênh Miểu. Phía Nam giáp xã Đại Hải, xã Kế An. Phía Bắc giáp kênh Hai Nghĩa, kênh Thủy Lợi	
XI	KV3	Xã An Lạc Tây	
1	VT2	Toàn bộ đất cây lâu năm trên địa bàn xã	50
XII	KV3	Xã Thới An Hội	
1	VT3	Phía Đông giáp kênh Thị Hồ, xã An Lạc Tây. Phía Tây giáp rạch Sóc Tổng, xã Trinh Phú. Phía Nam giáp rạch Đại An, rạch Xóm Đồng. Phía Bắc giáp sông Rạch Vọp	45
2	VT4	Phía Đông giáp rạch Mỹ Hội, phía Tây giáp rạch Bung Túc. Phía Nam kênh Cầu Trắng, thị trấn Kế Sách. Phía Bắc giáp rạch Đại An, rạch Xóm Đồng, rạch Sóc Tổng, xã Trinh Phú	40
XIII	KV3	Xã Nhon Mỹ	
1	VT2	Phía Đông giáp sông Hậu, phía Tây giáp rạch Tiểu La Thành, rạch Mương Khai, kênh Khả. Phía Nam giáp rạch Mọp, phía Bắc giáp kênh Giữa	50
		Phía Đông giáp sông Hậu, phía Tây giáp sông Hậu, phía Nam giáp xã Song Phụng, phía Bắc giáp Xã An Lạc Tây	
		Phía Đông giáp Sông Hậu, rạch Trà Éch, kênh Giữa, rạch Cây Đông, rạch Mương Siêu. Phía Tây giáp rạch Mỹ Hội, kênh Tắc. Phía Nam giáp kênh số 1. Phía Bắc giáp rạch Chùa Giá, rạch Trà Éch.	
2	VT3	Phía Đông giáp rạch Đồng Phên, kênh Tắc. Phía Tây giáp rạch Nhon Mỹ. Phía Nam giáp kênh Số Một. Phía Bắc giáp rạch Nhon Mỹ, xã Thới An Hội.	45

		Phía Đông giáp Kênh Khả, kênh Tiểu La Thành. Phía Tây giáp rạch Mương Siêu, rạch Cây Đông. Phía Nam giáp kênh Số Một. Phía Bắc kênh Giữa.	
D	HUYỆN THẠNH TRỊ		
I	KV2	Thị trấn Phú Lộc	
1	VT5	Phía Đông: Giáp kênh thủy lợi ; Phía Tây: Giáp thị trấn Hưng Lợi; Phía Nam: Giáp Đường tỉnh 937B; Phía Bắc: Giáp Kênh Mã Lớn	40
		Phía đông: Giáp kênh thủy lợi, Kênh sừng;- PhíaTây: Giáp xã Thạnh Trị; Phía Nam: Giáp Kênh Hai Tài, Kinh KT 13, Kênh Tà Ná; Phía Bắc: Giáp xã Tuân Tức	
		Phía Đông: Giáp Kênh thủy lợi;Phía Tây: Giáp kênh Chấn Tranh, kênh thủy lợi; Phía Nam: Giáp Tỉnh Bạc Liêu ; Phía Bắc: Giáp sông Xa Mau 1	
2	VT6	Phía Đông: Giáp kênh thủy lợi (Giáp ấp 1); Phía Nam: Giáp kênh Mã Lớn; Phía Bắc: Giáp xã Thạnh Trị	35
		Phía Đông: Giáp huyện Mỹ Xuyên; Phía Tây: Giáp kênh thủy lợi; Phía Nam: Giáp Tỉnh Bạc Liêu; Phía Bắc: Giáp Sông cái	
		Phía Đông: Giáp kinh Chấn Tranh; Phía Tây: Giáp Sông Công Điền, kênh thủy lợi; Phía Nam: Giáp Tỉnh Bạc Liêu; Phía Bắc: Giáp kênh thủy lợi	
3	VT4	Các khu vực còn lại	45
II	KV3	Xã Thạnh Trị	
1	VT5	Phía Đông: Kênh Xáng Ngã Năm, giáp thị trấn Phú Lộc; Phía Tây: Giáp kênh Ba Dừa, đường huyện Lộ 5, sông Tà Lọt, kênh Máy Vóc; Phía Nam: Giáp kênh xáng thị trấn Hưng Lợi; Phía Bắc: Giáp ấp B2, xã Thạnh Tân	35
2	VT6	Phía Đông: Giáp kênh Máy Vóc; Phía Tây: Giáp xã Thạnh Trị; Phía Nam: Giáp thị trấn Hưng Lợi; Phía Bắc: Giáp đường huyện lộ 5, sông Tà Lọt	30
3	VT4	Các khu vực còn lại	40
III	KV3	Xã Tuân Tức	
1	VT5	Phía Đông: Giáp rạch 5 Toán, ấp Trung Nhất xã Lâm Tân; Phía Tây: Giáp kênh KT 13, sông Trung Hoà; Phía Nam: Giáp kênh ông Út, kênh trường Học; Phía Bắc: Giáp Sông Tà Lọt, sông Trung Hoà, kênh bà Xe, rạch ấp Trung Thống	35
		- Gồm diện tích ấp Trung Thống và ranh phía Nam giáp: kênh Tám Tâm ông Cuội, kênh Phú Giao, xã Thạnh Quới, huyện Mỹ Xuyên;	

		Phía Đông: Hết đất Lý Tổng dọc đến hết đất Huỳnh Thanh Hồng đến hết đất La Văn Dũng dọc đến hết đất Trần Đăng, lâm Văn Tùng, Từ Thị Cửa, Chung Văn Hoà, kênh ông Hoà hết đất bà Lê Thị Đù, Khâu Khuông; Phía Nam: Giáp thị trấn Phú Lộc; Phía Tây: Giáp kênh KT 13 - Phía Bắc: Giáp kênh SaDi	
2	VT6	Phía Đông: Giáp xã Lâm Tân (ấp Tân Nghĩa);- Phía Tây: Giáp ấp Tân Lợi, xã Thạnh Tân; Phía Nam: Giáp kênh Thầy Hai; Phía Bắc: Giáp xã Lâm Tân Phía Đông: Giáp xã Lâm Tân (ấp Tân Nghĩa); Phía Tây: Giáp Rạch Tà Lọt; Phía Nam: Giáp Rạch Tà Lọt, sông Trung Hoà, kênh Bà Ke, rạch 5 Toán, ấp Trung Thống; Phía Bắc: Giáp kênh Cầu Säck, rạch Sa Keo	30
3	VT4	Các khu vực còn lại	40
IV	KV3	Xã Thạnh Tân	
1	VT6	Phía Đông: Giáp xã Lâm Tân; Phía Tây: Kênh Lý Sang, kênh 14/9, kênh thủy lợi; Phía Nam: Giáp kênh 10m; Phía Bắc: Giáp kênh Ông Tàu, kênh Cái Tràu Phía Đông: Giáp kênh Xáng Ngã Năm, giáp TT Phú Lộc; Phía Tây: Giáp xã Vĩnh Thành; Phía Nam: Giáp kênh Vĩnh Lợi, Thạnh Tân, giáp ấp Tà Lọt C, xã Thạnh Trị;- Phía Bắc: Giáp kênh 5 Hạp, kênh 9 Sạn	30
2	VT5	Phía Đông: Giáp huyện Ngã Năm; Phía Tây: Giáp huyện Ngã Năm; Phía Nam: Giáp xã Vĩnh Thành, kênh 5 Hạp; Phía Bắc: Giáp huyện Ngã Năm Phía Đông: Giáp xã Lâm Tân; Phía Tây: Giáp huyện Ngã Năm; Phía Nam: giáp kênh ông Tàu, kênh Cái Tràu; Phía Bắc: Giáp huyện Mỹ Tú	35
3	VT4	Các khu vực còn lại	40
V	KV3	Xã Vĩnh Lợi	
1	VT4	Phía Đông: Giáp xã Vĩnh Thành, kênh 8 Sao; Phía Tây: Giáp kênh Hồ Điệp, kênh 5 Te; Phía Nam: Giáp kênh 14, kênh Năng Rền; Phía Bắc: Kênh Ông Tà	40
2	VT5	Phía Đông: Giáp kênh Hồ Điệp, kênh 5 Te; Phía Tây: Giáp huyện Ngã Năm; Phía Nam: giáp ấp 14 ; Phía Bắc: giáp Kênh Ông Tà Phía Đông: Giáp xã Vĩnh Thành; Phía Tây: Giáp kênh 8 Sao; Phía Nam: Giáp kênh 13; Phía Bắc: Giáp xã Vĩnh Thành	35
3	VT6	Các khu vực còn lại	30
VI	KV3	Xã Vĩnh Thành	
1	VT4	Phía Đông: Giáp Kênh 5 Căn; Phía Tây: Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Toán, hết ranh đất Nguyễn Văn Tiên; Phía Nam: Giáp kênh 5 Năng; Phía Bắc: Giáp kênh Ma Rênh	40

2	VT5	Phía Đông: Giáp ấp 22, xã Thạnh Trị; Phía Tây: Giáp kênh Lò Than; Phía Nam: Giáp ấp 22, xã Vĩnh Thành, kênh Ma Rên; Phía Bắc: Giáp kênh Hương Hào Đầu	35
		Phía Đông: Giáp ấp 23, xã Vĩnh Thành; Phía Tây: Giáp kênh 16/1, xã Vĩnh Lợi; Phía Nam: Giáp ranh xã Vĩnh Lợi; Phía Bắc: Giáp kênh 5 Năng	
3	VT6	Các khu vực còn lại	30
VII	KV3	Xã Lâm Tân	
1	VT5	Phía Đông: Giáp kênh Đình Muong Điều; Phía Tây: Giáp xã Tuân Tức; Phía Nam: Giáp kênh Xéo Cui ranh ấp Tân Nghĩa, Kiệt Lập A; Phía Bắc: Giáp kênh 3 Cảo Chắc Tức	35
2	VT6	Phía Đông: Giáp kênh 6 Bánh; Phía Tây: Giáp xã Thạnh Tân; Phía Nam: Giáp kênh 3 Cảo Chắc Tức 3, giáp xã Tuân Tức; Phía Bắc: Giáp huyện Mỹ Xuyên	30
3	VT4	Các khu vực còn lại	40
VIII	KV3	Xã Lâm Kiệt	
1	VT4	Phía Đông: Giáp ranh huyện Mỹ Tú; Phía Tây: Giáp ấp Kiệt Lập A, Kiệt Lập B (xã Lâm Tân); Phía Nam: Giáp huyện Mỹ Xuyên, kênh nội đồng; Phía Bắc: Giáp kênh ông Tà, kênh Xáng xã Tuân Tức, ranh ấp Kiệt Thắng, ấp Kiệt Lợi	40
2	VT5	Phía Đông: Giáp ranh huyện Mỹ Tú; Phía Tây: Giáp kênh ông Ban, rạch Bào Mướp, kênh ông Lượng, ranh xã Lâm Tân, kênh ông Dâu; Phía Nam: Giáp kênh Xáng xã Tuân Tức, kênh SaDi; Phía Bắc: Giáp ranh huyện Mỹ Tú	35
3	VT6	Các khu vực còn lại	30
IX	KV3	Thị trấn Hưng Lợi	
1	VT6	Phía Đông: Giáp Sông Thổ Mô; Phía Tây: Giáp ấp 23, xã Châu Hưng; Phía Nam: Giáp đường tỉnh 937B; Phía Bắc: Giáp ấp 23, xã Vĩnh Thành	35
		Phía Đông: Giáp thị trấn Phú Lộc, giáp tỉnh Bạc Liêu; Phía Tây: Giáp kênh Thầy Ban, xã Châu Hưng; Phía Nam: giáp Ranh tỉnh Bạc Liêu; Phía Bắc: Giáp kênh công, kênh ông Hiền, rạch Bào Cát	
2	VT5	Các khu vực còn lại	40
X	KV3	Xã Châu Hưng	
1	VT4	- Phía Đông: Giáp kênh 2 Gấm - Phía Tây: Giáp kênh Tràm Kiến; Phía Nam: Giáp sông Kinh Ngay 2 - Phía Bắc: Giáp kênh Bà Phúc	40
2	VT6	Phía Đông: Giáp kênh Tây Nhỏ - Phía Tây: Giáp sông Vĩnh Bia, xã Vĩnh Lợi; Phía Nam: Giáp Sông Tràm Kiến - Phía Bắc: Giáp sông Vĩnh Bia, xã Vĩnh Lợi	30

		Phía Đông: Giáp kênh ông Sóc; Phía Tây: Giáp kênh Giã Mê; Phía Nam: Giáp kênh ông Miễn; Phía Bắc: Giáp sông Vĩnh Trò, xã Vĩnh Lợi	
3	VT5	Các khu vực còn lại	35
E	HUYỆN NGÃ NĂM		
I	KV2	Thị trấn Ngã Năm	
1	VT1	<p>Toàn bộ khu vực ấp 5 và khu vực ấp 6 ven kênh xáng chìm tính từ mốc chỉ giới đường thủy nội địa đến kênh nông trường (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mốc GPMB).</p> <p>Khu vực phía Đông Bắc giáp rạch Xèo Chít, phía Tây giáp xã Vĩnh Quới và phía Nam giáp kênh xáng Phụng Hiệp - Cà Mau.</p> <p>Khu vực phía Bắc giáp xã Long Tân, phía Nam giáp kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc, phía Tây giáp kênh xáng Phụng Hiệp - Cà Mau (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B và tiếp giáp với đường Quản lộ Phụng Hiệp trong phạm vi 100 m tính từ mốc GPMB).</p> <p>Khu vực phía Bắc giáp kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc, phía Nam giáp xã Vĩnh Biên, phía Đông giáp kênh Dân Quân và phía Tây giáp kênh xáng Phụng Hiệp - Cà Mau (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quản lộ Phụng Hiệp trong phạm vi 100 m tính từ mốc GPMB).</p>	60
2	VT2	Vị trí còn lại	55
II	KV3	Xã Long Tân	
1	VT3	<p>Ấp Tân Quới, Tân Thành B, Tân Lập và ấp Tân Lập B khu vực ven Quản lộ Phụng Hiệp tính từ mốc lộ giới qua hai bên kênh Thủy lợi (kênh 500) (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quản lộ Phụng Hiệp trong phạm vi 100 m tính từ mốc GPMB).</p> <p>Ven kênh Tân chánh B, phía Đông giáp huyện Mỹ Tú và phía Tây giáp kênh Thủy lợi (kênh 500).</p> <p>Khu vực phía Tây Nam giáp ấp 6, TT Ngã Năm; phía Tây Bắc giáp huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang đến kênh Thủy lợi.</p> <p>Khu vực phía Tây Bắc giáp tỉnh Hậu Giang tính từ đê bao kênh Thủy lợi (kênh 500).</p> <p>Khu vực phía Bắc giáp kênh Mỹ Phước, phía Nam giáp kênh Lâm Trà ven kênh Mỹ Lợi qua hai bên đến kênh Thủy lợi (kênh 500).</p> <p>Khu vực phía Bắc giáp Lâm Trà, phía Nam giáp kênh Lung Bào Tượng.</p>	45

2	VT4	Vị trí còn lại	40
III	KV3	Xã Mỹ Quới	
1	VT2	Khu vực phía Bắc giáp Tỉnh lộ 937B, phía Nam giáp rạch Ba Cui (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Tỉnh lộ 937B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	50
2	VT3	Vị trí còn lại	45
IV	KV3	Xã Tân Long	
1	VT3	Khu vực phía Bắc giáp xã Long Tân, phía Nam giáp kênh Tư Cửu, phía Đông giáp huyện Mỹ Tú và phía Tây giáp kênh Bình Hưng.	45
		Khu vực phía Tây Bắc giáp xã Long Bình, phía Đông giáp kênh Bình Hưng và phía Nam giáp Quốc lộ 61B (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	
		Khu vực phía Bắc giáp huyện Mỹ Tú, phía Nam giáp Quốc lộ 61B, phía Đông giáp huyện Thạnh Trị và phía Tây giáp kênh Thủy lợi (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	
		Khu vực phía Đông Bắc giáp huyện Thạnh Trị và phía Tây Nam giáp Quốc lộ 61B (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	
		Khu vực phía Bắc giáp kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc, phía Nam giáp kênh 2A, phía Đông giáp kênh 26/3 và phía Tây giáp kênh Cocsanen.	
		Khu vực phía Đông Bắc giáp kênh Thủy lợi, phía Tây giáp kênh Bình Hưng và phía Nam giáp Quốc lộ 61B (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	
2	VT4	Vị trí còn lại	40
V	KV3	Xã Vĩnh Quới	
1	VT3	Khu vực phía Tây Bắc giáp rạch Lục Bà Tham, phía Đông giáp TT Ngã Năm và phía Nam giáp rạch Xẻo Chít.	45
		Khu vực phía Đông Bắc giáp rạch Xẻo Chít và phía Đông giáp rạch đường Chùa.	
		Khu vực phía Bắc giáp rạch Sóc Sỏi, phía Nam giáp kênh xáng Phụng Hiệp, phía Đông giáp kênh Mới và phía Tây giáp tỉnh Bạc Liêu.	
		Khu vực phía Bắc giáp tỉnh Hậu Giang, phía đông giáp rạch Xẻo Gỗ, phía Tây Nam giáp rạch Xẻo Chít.	

		Khu vực phía Bắc giáp rạch Cây Đa, phía Đông giáp TT Ngã Năm và phía Tây giáp Xẻo Chít.	
		Khu vực phía Bắc giáp kênh Vĩnh Khương, phía Đông giáp rạch Xẻo Sỏi, phía Tây giáp tỉnh Bạc Liêu và phía Nam giáp rạch Sóc Sỏi.	
		Khu vực phía Bắc giáp rạch Xẻo Chít, phía Nam giáp kênh xáng Phụng Hiệp, phía Đông giáp TT Ngã Năm và phía Tây giáp rạch đường Chùa.	
2	VT4	Vị trí còn lại	40
VI	KV3	Xã Vĩnh Biên	
1	VT3	<p>Áp Vĩnh Tiên, Vĩnh Mỹ A khu vực ven kênh xáng Phụng Hiệp tính từ mốc đường thủy nội địa đến kênh Thủy lợi (kênh 500) (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quản lộ Phụng Hiệp trong phạm vi 100 m tính từ mốc GPMB).</p> <p>Khu vực phía Bắc giáp kinh Ba Liếm, phía Nam giáp rạch Lung Lớn, phía Đông giáp kênh 90 và phía Tây giáp kênh Cống Đá.</p> <p>Khu vực phía Bắc giáp kênh Nàng Rền, phía Nam giáp kênh Làng Mới, phía Đông giáp kênh Xóm Lắm và phía Tây giáp tỉnh Bạc Liêu.</p> <p>Khu vực phía Bắc giáp kênh Ngang, phía Đông giáp xã Mỹ Bình và phía Đông giáp rạch Cống Đá.</p> <p>Khu vực phía Đông giáp kênh Cống Đá, phía Tây Nam giáp kênh Thủy lợi gần kênh xáng Phụng Hiệp.</p>	45
2	VT4	Vị trí còn lại	40
VII	KV3	Xã Long Bình	
1	VT2	Khu vực phía ven kênh xáng Ngã Năm - Phú Lộc tính từ kênh xáng qua hai bên đến kênh Thủy lợi (kênh 500) (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Quốc lộ 61B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	50
2	VT3	Vị trí còn lại	45
VIII	KV3	Xã Mỹ Bình	
1	VT3	Khu vực UBND xã phía Bắc giáp xã Vĩnh Biên và phía Đông giáp kênh Nàng Rền.	45

		Khu vực phía Đông Bắc giáp kênh Thủy Lợi, phía Tây giáp kênh Nàng Rền và phía Nam giáp huyện Thanh Trì.	
		Khu vực ven rạch Mươi Lửa, phía Đông giáp xã Mỹ Quới, phía Tây giáp Rạch Mươi Gà, xã Mỹ Quới; phía Bắc Đông Nam giáp kênh Thủy lợi.	
		Khu vực phía Bắc giáp Tỉnh lộ 937B, phía Tây giáp huyện Thanh Trì và phía Tây giáp xã Mỹ Quới (trừ đất nông nghiệp có cạnh tiếp giáp với đường Tỉnh lộ 937B trong phạm vi 100 m tính từ mép đường lộ).	
		Khu vực phía Bắc giáp xã Vĩnh Biên, phía Tây giáp xã Mỹ Quới, phía Đông và Nam giáp kênh Thủy lợi.	
2	VT4	Vị trí còn lại	40
F	THỊ XÃ VĨNH CHÂU		
I	KV3	Xã Lạc Hòa	
1	VT4	Huyện Lộ 111 đến Đê Biển	40
2	VT5	Huyện Lộ 111 đến ranh xã Hoà Đông	35
II	KV3	Xã Vĩnh Hải	
1	VT3	Huyện Lộ 111 đến Đê Biển	45
2	VT5	Huyện Lộ 111 đến ranh xã Hoà Đông	35
III	KV3	Xã Hòa Đông	
1	VT5	Trong địa giới hành chính xã	35
IV	KV3	Xã Vĩnh Hiệp	
1	VT5	Trong địa giới hành chính xã	35
V	KV3	Xã Vĩnh Tân	
1	VT4	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến Huyện Lộ 10	40
2	VT6	Huyện Lộ 10 đến Đê Biển	30
3	VT5	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến sông Mỹ Thanh	35
VI	KV3	Xã Lai Hòa	
1	VT4	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến Huyện Lộ 10	40

2	VT6	Huyện Lộ 10 đến Đê Biển	30
3	VT5	Quốc lộ Nam Sông Hậu đến sông Mỹ Thanh	35
G	HUYỆN LONG PHÚ		
I	KV2- VT4	Thị trấn Long Phú, thị trấn Đại Ngãi	45
II	KV3	Xã Song Phụng	
1	VT4	- Đông: kênh sườn (từ rạch Bàn - Đại Ngãi). - Tây: giáp Huyện Kế Sách. Nam: xã Đại Ngãi - Bắc: Kênh Bà Kính. - Đông: giáp kênh giữa. - Tây: giáp kênh sườn (ranh Phụng Sơn - Phụng Tường 1,2). - Nam: xã Đại Ngãi. - Bắc: đầu kênh hai Bé nối qua kênh giữa.	40
2	VT2	Diện tích đất cây lâu năm còn Lại trên địa bàn xã (kể cả còn Lý Quyên).	50
III	KV3	Xã Hậu Thạnh	
1	VT3	- Đông: giáp sông Saintard và xã Phú Hữu. - Tây: giáp kênh số 3 và kênh Cây Dương. - Nam: xã Phú Hữu. - Bắc: xã Đại Ngãi và Quốc lộ 60.	45
2	VT3	Diện tích đất cây lâu năm còn lại trên địa bàn xã.	45
IV	KV3	Xã Trường Khánh	
1	VT4	- Phần phía nam sông Văn Cơ.	40
2	VT3	- Phần phía bắc sông Văn Cơ.	45
V	KV3	Xã Long Đức	
1	VT3	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn xã.	45
VII	KV3	Xã Phú Hữu	
1	VT3	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm trên địa bàn xã.	45
VII	KV3	Châu Khánh	
1	VT5	- Đông : xã Tân Hưng	35

		<ul style="list-style-type: none"> - Tây : từ kênh ông Rộng thẳng tới đầu kênh trung thủy nông - Nam : từ đầu kênh trung thủy nông giáp Tân Hưng - Bắc : kênh ông Rộng 	
2	VT3	Diện tích đất trồng cây lâu năm còn lại trên địa bàn.	45
VIII	KV3	Tân Thạnh	
1	VT3	Toàn bộ diện tích đất cây lâu năm trên địa bàn xã.	45
IX	KV3	Tân Hưng	
1	VT3	Toàn bộ diện tích đất cây lâu năm trên địa bàn xã.	45
X	KV3	Xã Long Phú	
1	VT5	<ul style="list-style-type: none"> - Đông: xã Đại Ân 2. - Tây: huyện lộ 27 (Long Phú - LHT) - Nam: kênh 85 - Bắc: kênh mương ông kếp <hr/> <ul style="list-style-type: none"> - Đông: kênh 25/4 - Tây: xã Tân Hưng - Nam: Rạch Bung Thum - Bắc: xã Tân Hưng <hr/> <ul style="list-style-type: none"> - Đông: kênh 96 Long Hưng. - Tây: huyện Mỹ Xuyên. - Nam: kênh Cái Xe. - Bắc: xã Tân Hưng Tân Thạnh. <hr/> <ul style="list-style-type: none"> - Đông: xã Đại Ân 2. - Tây: huyện Mỹ Xuyên - Nam: xã Liêu Tú. - Bắc: kênh Cái Xe 	35
2	VT3	Diện tích đất cây lâu năm còn lại trên địa bàn xã.	45
H	HUYỆN CÙ LAO DUNG		
I	KV2- VT2	Thị trấn Cù Lao Dung	
1	VT2	Đất trồng cây lâu năm của thị trấn	55
II	KV3	Xã An Thạnh 1	

1	VT1	Đất trồng cây lâu năm trên địa bàn xã	55
III	KV3	Xã An Thạnh Tây	
1	VT2	Toàn xã	50
IV	KV3	Xã An Thạnh 2	
1	VT4	Toàn xã	40
V	KV3	Xã An Thạnh 3	
1	VT3	Toàn xã	45
VI	KV3	Xã An Thạnh Nam	
1	VT4	Toàn ấp Vàm Hồ; Khu vực NT 30/4 (cũ), ấp Vàm Hồ A; Khu vực từ Rạch cây me (phía bờ Tây) đến bờ phía Đông Rạch Su, ấp Võ Thành Văn	40
2	VT5	Khu vực từ Rạch cây me (phía bờ Đông) đến đê Quốc Phòng giáp xã An Thạnh 3; Khu vực từ nhà ông Khải đến nhà ông Ba Đồi, qua công số 4 đến giáp cầu cây Mắm.	35
VII	KV3	Xã An Thạnh Đông	
1	VT3	Toàn ấp Lê Minh Châu A, Lê Minh Châu B, Tăng Long	45
2	VT2	Toàn ấp: Trương Công Nhật, Đặng Trung Tiến, Nguyễn Công Minh A, Nguyễn Công Minh B, Đền Thờ.	50
VIII	KV3	Xã Đại Ân 1	
1	VT4	Toàn ấp Văn Sáu, ấp Đoàn Văn Tố, Toàn ấp Đoàn Văn Tố A và 1 phần phía trên ấp Sáu Thử	40
2	VT5	Các khu vực còn lại	35
I	HUYỆN CHÂU THÀNH		
I	KV2	Thị trấn Châu Thành	
1	VT3	Dọc kênh Xây Cáp theo hướng Bắc dọc ranh đường Huyện 5, kênh thủy lợi, kênh Mai Thanh và phần đất ấp Trà Quýt	50
2	VT4	Phần còn lại	45

3	VT5	Kênh Hai Col- kênh 30/4- Ranh xã Phú Tâm - xã Phú Tân	40
II	KV3	Xã Thuận Hoà	
1	VT4	Kênh ông Ứng - ranh xã Hồ Đắc Kiện-ranh xã Thiện Mỹ. Quốc lộ 1A-ranh xã Phú Tân- kênh Hai Gò-rạch hàng Bằng	40
2	VT5	Các vùng còn lại	35
3	VT6	Rạch Trà Canh A-kênh Sườn- kênh ông Ứng- ranh xã An Hiệp (hướng Nam)	30
III	KV3	Xã An Hiệp	
1	VT4	Các vùng còn lại	40
2	VT5	Kênh 77 -ranh TP Sóc Trăng Kênh 85-đường đất- rạch thuộc ấp Bung Tróp A và B - kênh ranh xã An Ninh	40 35
3	VT6	Kênh 85 - Ranh xã Thiện Mỹ	30
IV	KV3	Xã Phú Tâm	
1	VT4	Toàn bộ ấp Phú Thành B	40
2	VT5	Kênh Cầu Chùa- kênh ông Quên - ranh huyện Long Phú Kênh ông Quên - kênh Cầu Chùa- ranh xã Phú Tân Kênh 77 - kênh ông Bọng - kênh thủy lợi - kênh Pà Chắt Kênh 7 Quýt - kênh 77 - ranh huyện Kế Sách Kênh 30/4 đến ranh xã Hồ Đắc Kiện	35
3	VT6	Các vùng còn lại	30
V	KV3	Xã An Ninh	
1	VT4	Kênh xáng Bó Thảo - Đường Tỉnh 939 - Kênh ranh xã An Hiệp Kênh xáng Tà Liêm - kênh ranh xã Thuận Hưng	40

2	VT5	Các vùng còn lại	35
3	VT6	Kênh 77-rạch Chấn Đùm- ranh xã Mỹ Hương- ranh xã Thiện Mỹ	30
VI	KV3	Xã Hồ Đắc Kiện	
1	VT4	Quốc Lộ 1A -ranh TT Châu Thành, Phú Tân và huyện Kế Sách	40
		Kênh Gòn - Kênh Sườn (ấp kinh Đào) - ranh TT Châu Thành	
2	VT5	Các vùng còn lại	35
3	VT6	Lộ đal Thiện Mỹ đi Đại Hải đến hết đất Lâm Trường	30
		Kênh lâm trường - kênh Sườn - kênh Hai Nhân	
VII	KV3	Xã Thiện Mỹ	
1	VT4	Kênh Ba Rinh - kênh Phú Tường - kênh Năm Cường, kênh Năm Thục, kênh Hai Phong	40
2	VT5	Phần còn lại	35
3	VT6	Kênh Phú Tường - xã Long Hưng	30
VIII	KV3	Xã Phú Tân	
1	VT4	Kênh Xây Chô - ranh xã Phú Tân - kênh Vành Đai - ranh xã An Hiệp	40
		Kênh 6 Thước -Kênh ranh xã An Hiệp	
2	VT5	Kênh Trà Canh - Ranh xã Thuận Hòa , Phú Tân	35
3	VT6	Các vùng còn lại	30
J	HUYỆN TRẦN ĐỀ		
I	KV3	Xã Đại Ân 2	
1	VT5	Đông: kênh xáng mới. Tây: Xã Viên Bình, Tài Văn. Nam kênh Chù Bưng Buổi. Bắc: lộ đất Tú Điền.	40
2	VT4	Phần đất cây lâu năm còn lại trên địa bàn xã.	45

II	KV3	Xã Liêu Tú	
1	VT7	Đông: xã Lịch Hội Thượng. Tây: xã Viên Bình. Nam: giáp kênh Giồng Chát- Tổng Cánh. Bắc: kênh Sóc Đum-Tà Nịt	30
2	VT6	Đông: xã Lịch Hội Thượng. Tây xã Viên Bình. Nam: Kênh ông Đum kéo thẳng giáp Viên Bình. Bắc: Kênh Sóc Đum-Tà Nịt	35
3	VT5	Phần đất cây lâu năm còn lại trên địa bàn xã.	40
III	KV3	Xã Lịch Hội Thượng	
1	VT5	Đông: sông gò – kênh 5 huyện – lộ đản Chùa Hội Phước ra đê ngăn mặn.Tây: kênh ranh Liêu Tú - LHT. Nam: lộ đê ngăn mặn kênh Mã Đức. Bắc: kênh Xà Khi. Đông: kênh cách ly. Tây: huyện lộ 9. Nam: huyện lộ 9. Bắc: Kênh Lâm Ton.	40
2	VT4	Phần đất cây lâu năm còn trên địa bàn xã.	45
IV	KV3	Xã Trung Bình	
1	VT6	- Đông: kênh Bồn Bồn - Tây: sông Bung Lức - Nam: kênh 85 - Bắc : kênh mương ông Kép - Đông: kênh ngang mặt trời lặn Bung Lức - Tây: Xã Lịch Hội Thượng - Nam: kênh Tư - Bắc : kênh Hai	35
2	VT5	Phần đất cây lâu năm còn lại trên địa bàn xã.	40
V	KV2	TT Lịch Hội Thượng	
1	KV2- VT3	Tất cả đất cây lâu năm trên địa bàn TT.	50
VI	KV2	TT Trần Đề	
1	VT3	Tất cả đất cây lâu năm trên địa bàn TT.	50
VII	KV3	Xã Thạnh Thới Thuận	

1	VT6	Toàn xã	35
VIII	KV3	Xã Thạnh Thới An	
1	VT6	Toàn xã	35
IX	KV3	Xã Tài Văn	
1	VT5	Giáp Kênh Tiếp Nhựt vào 70m	40
2	VT6	Khu vực còn lại trên địa bàn xã	35
X	KV3	Xã Viên An	
1	VT5	Khu vực ven kênh Tiếp Nhựt vào 70m	40
2	VT5	Khu vực ven đường vào đến Chùa Lao Vên (theo tuyến khu dân cư)	40
3	VT6	Toàn bộ phần diện tích đất cây lâu năm còn lại của xã	35
XI	KV3	Xã Viên Bình	
1	VT5	Khu vực ven kênh Tiếp Nhựt vào 70m	40
2	VT7	Khu vực còn lại	30